

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC		836	6	5,5	4	4,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD		601	6	0	6	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL		602	8	6,5	8,7	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD		603	10	9	7,5	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC		604	4	6,5	6	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT		605	8	6,5	7	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT		606	1	7,5	6,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT		607	10	6,5	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK		608	4	6	6	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17154025	Hồ Việt Hải	DH17OT		609	4	7	8,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT		610	10	6	8,5	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD		611	8	7,5	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT		612	8	6,5	6,9	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC		613	1	6	6,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL		614	2	6	5	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL		615	1	6	7	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT		616	1	6	6	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00607

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC		617	8	6,5	7,5	7,5	001234568910	012346789
20	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL							0012345678910	0123456789
21	17154049	Phan Thanh Liêm	DH17OT							0012345678910	0123456789
22	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL		619	4	7	5	5,0	001234678910	0123456789
23	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK		620	8	9	6	6,7	001234578910	012345689
24	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD		621	8	6,5	6	6,5	001234578910	012346789
25	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL		622	4	5,5	6	5,6	001234678910	012345789
26	17154057	Trần Văn Hoài	DH17OT		623	8	6,5	9	8,6	001234567910	012345789
27	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD		624	8	6,5	6	6,5	001234578910	012346789
28	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT		625	10	7	6,5	7,3	001234568910	012456789
29	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD		627	6	6,5	5	5,4	001234678910	012356789
30	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT		626	8	6,5	6	6,5	001234578910	012346789
31	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT		628	10	6,5	8,5	8,6	001234567910	012345789
32	17154065	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT							0012345678910	0123456789
33	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC		630	10	9	8	8,5	001234567910	012346789
34	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD		631	8	8	7	7,3	001234568910	012456789
35	17118074	Trần Long Nhật	DH17CC		632	2	7	6,5	5,7	001234678910	012345689
36	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT		633	10	6	6,5	7,2	001234568910	013456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	<i>[Signature]</i>	634	6	6,5	7,5	7,1	○○○123456●8910	○●23456789
38	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC	<i>[Signature]</i>	635	10	5	0	2,5	○○○1●345678910	○1234●6789
39	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD	<i>[Signature]</i>	636	2	0	4	3,2	○○○12●45678910	○1●3456789
40	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK	<i>[Signature]</i>	637	2	6	6	5,2	○○○1234●678910	○1●3456789
41	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD	<i>[Signature]</i>	638	4	0	6	5,0	○○○1234●678910	●123456789
42	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT	<i>[Signature]</i>	639	8	6,5	7	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
43	15154044	Nguyễn Võ Hoàng Sơn	DH15OT						/	●○12345678910	○123456789
44	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT	<i>[Signature]</i>	640	1	6	6	5,0	○○○1234●678910	●123456789
45	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK	<i>[Signature]</i>	701	10	7	7	7,6	○○○123456●8910	○12345●789
46	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC	<i>[Signature]</i>	702	6	7	6	6,1	○○○12345●78910	○●23456789
47	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						/	●○12345678910	○123456789
48	15138058	Lê Quốc Thái	DH15TD						/	●○12345678910	○123456789
49	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>[Signature]</i>	704	10	6,5	6,5	7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
50	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC	<i>[Signature]</i>	705	8	6,5	6	6,5	○○○12345●78910	○1234●6789
51	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK	<i>[Signature]</i>	706	6	7,5	5,5	5,8	○○○1234●678910	○1234567●9
52	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK						/	●○12345678910	○123456789
53	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD						/	●○12345678910	○123456789
54	15138066	Nguyễn Minh Thọ	DH15TD						/	●○12345678910	○123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD	<i>Thông</i>	709	0	6	2	2,0	0010345678910	0123456789
56	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD	<i>Thu</i>	710	8	6	6	6,4	0012345678910	0123456789
57	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT	<i>Mu</i>	711	8	6	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
58	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT							0012345678910	0123456789
59	17138056	Nguyễn Nhật Tiến	DH17TD	<i>Kim</i>	714	10	6,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
60	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT	<i>Quang</i>	715	20	6,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
61	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT	<i>tin</i>	716	10	6,5	6	5,2	0012345678910	0123456789
62	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD	<i>Tr</i>	717	10	6,0	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
63	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD	<i>Minh</i>	718	10	6	6,5	4,6	0012345678910	0123456789
64	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	<i>Huy</i>	719	4	7	9	7,8	0012345678910	0123456789
65	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT	<i>Thao</i>	720	8	6,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
66	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD							0012345678910	0123456789
67	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC	<i>Tr</i>	721	10	0	5	5,5	0012345678910	0123456789
68	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT	<i>Trường</i>	722	10	6,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
69	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT	<i>Tr</i>	723	8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
70	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL	<i>Tr</i>	724	4	5	5	4,8	0012345678910	0123456789
71	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC	<i>Tuan</i>	725	2	6	9	7,3	0012345678910	0123456789
72	17138063	Tạ Minh Tuyên	DH17TD	<i>Tr</i>	726	8	5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	13138341	Trần Anh Văn	DH13TD		727	1	7	7	5,8	0012345678910	0123456789
74	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT		728	10	6	9	8,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC		729	4	6	1	1,4	00●2345678910	0123●56789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC		730	8	0	8,5	7,6	00123456●8910	012345●789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC		731	2	0	7	5,3	001234●678910	012●456789
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC		732	6	0	5,5	5,1	001234●678910	0●23456789
5	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL		835	10	6,5	7,5	7,9	00123456●8910	012345678●
6	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK		733	6	6	6,0	6,0	0012345●78910	●123456789
7	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK		734	8	6	6,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
8	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT		735	8	6	7	7,1	00123456●8910	0●23456789
9	18118029	Trần Vĩnh Dựng	DH18CC		736	4	0	0	0,8	●012345678910	01234567●9
10	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC		737	6	6,5	3	4,0	00123●5678910	●123456789
11	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD		738	6	7,5	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
12	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC		739	8	6	5	5,7	001234●678910	0123456●89
13	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT		740	6	5,5	5,5	5,6	001234●678910	012345●789
14	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC		801	4	7	6	5,7	001234●678910	0123456●89
15	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC		702	4	5	6,5	5,9	001234●678910	012345678●
16	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		803	2	0	6,5	5,0	001234●678910	●123456789
17	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC		804	2	5,5	7,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
18	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC		805	6	6	6,5	5,7	001234●678910	0123456●89

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18118077	Thết Chú Long	DH18CC	<i>Thết Chú</i>	806	2	6	3,7	3,6	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
20	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC	<i>KL</i>	807	4	6	6	5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
21	18118070	Trương Tuấn Lộc	DH18CC						/	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18118079	Nguyễn Trọng Luận	DH18CC						/	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC	<i>my</i>	809	4	6	4,5	4,6	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
24	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC	<i>Đại</i>	810	4	6,5	1	2,2	○○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC	<i>Trung</i>	811	6	5,5	5	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT	<i>Nhà</i>	812	6	6	2	3,2	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC	<i>Phan</i>	813	6	0	6,5	5,8	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC	<i>Đ</i>	814	1	0	6,5	4,8	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
29	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC	<i>Nhi</i>	815	6	6,5	5	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
30	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT	<i>Phong</i>	816	8	6	6	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
31	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT	<i>HPHuc</i>	817	8	5,5	6	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
32	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC	<i>Tai</i>	818	0	5	6	4,7	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
33	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC	<i>Minh</i>	808	6	7,5	7	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
34	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC	<i>Thái</i>	820	2	0	0	0,4	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
35	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC	<i>Ph</i>	821	8	6,5	7,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
36	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC	<i>Ph</i>	822	8	6	7,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	DH18CC	thư	823	4	0	7	5,7	0012345678910	0123456789
38	18118131	Nguyễn Minh	Thắng	DH18CC							0012345678910	0123456789
39	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC	Thế	824	6	6	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
40	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	DH18CC	Thiện	825	6	6,5	6	6,1	0012345678910	0123456789
41	18154123	Trương Văn	Thục	DH18OT	Th	826	8	6	6	6,4	0012345678910	0123456789
42	18118152	Dương Minh	Tiến	DH18CC	Minh	827	6	6	5	5,3	0012345678910	0123456789
43	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC	Phát	828	6	6	5	5,3	0012345678910	0123456789
44	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC							0012345678910	0123456789
45	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC	Minh	829	4	0	4	3,6	0012345678910	0123456789
46	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC	Tuấn	830	10	6	5	6,1	0012345678910	0123456789
47	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC	Thanh	831	8	6	7	7,1	0012345678910	0123456789
48	18118180	Trần Văn	Tuyên	DH18CC	Trần	832	8	6	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
49	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC	Phúc	833	6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
50	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC	Long	834	8	6	8,5	8,2	0012345678910	0123456789

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 25/10/2019 14:04

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●
2	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			1	7	7	5,8	001234●678910	01234567●9
3	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●
4	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
5	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			10	8	9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
6	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			10	8	10	9,8	0012345678●10	01234567●9
7	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK			1	6	5	4,3	00123●5678910	012●456789
8	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			3,5	9	6,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
9	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			1	9	6,5	5,7	001234●678910	0123456●89
10	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK			10	7	9,5	9,4	0012345678●10	0123●56789
11	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT			3	9	5	5,0	001234●678910	●123456789
12	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			1	1	10	7,3	00123456●8910	012●456789
13	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			3	5	3	3,2	0012●45678910	01●3456789
14	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			1	8	9,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
15	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL			3	9	8,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
16	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT			1	3	2,5	2,3	001●345678910	012●456789
17	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			10	6	8,0	8,2	001234567●910	01●3456789
18	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			10	7	8	6,9	0012345●78910	012345678●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			6,5	6	5	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
20	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT			3	5	6,5	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
21	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD			6,5	7	10	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			10	5	5,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
23	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			3	7	10	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
24	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD			3	8	10	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
25	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT			3	9	6,5	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			10	9	9,5	9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
27	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			3	7	10	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD			1	7	10	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
29	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD			10	7	8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
30	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD			3	8	8,5	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
31	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			3	9	2,5	3,3	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
32	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD			10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
33	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD			10	8	8	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
34	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			1	7	10	7,9	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
35	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD			3	7	10	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
36	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD			10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨



Mã nhận dạng 00609

Trang 3/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD			3	6	10	8,2	001234567●910	01●3456789
38	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			3	7	10	8,3	001234567●910	012●456789
39	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			3	9	10	8,5	001234567●910	01234●6789
40	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD			3	6	8	6,8	0012345●78910	01234567●9
41	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			3,5	6	10	8,3	001234567●910	012●456789
42	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			7	8	8	7,8	00123456●8910	01234567●9
43	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD							●012345678910	0123456789
44	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			10	6	10	9,6	0012345678●10	012345●789
45	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK			10	5	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
46	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			3	9	8	7,1	00123456●8910	0●23456789
47	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			3	6	4	4,0	00123●5678910	●123456789
48	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			3	7	7	6,4	0012345●78910	0123●56789
49	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●
50	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			1	8	10	8,0	001234567●910	●123456789
51	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			6,5	7	10	9,0	0012345678●10	●123456789
52	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			3	9	10	8,5	001234567●910	01234●6789
53	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD							●012345678910	0123456789
54	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 01

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			10	9	10	9,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
56	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC							●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK			10	7	9,5	9,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
58	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD			6,5	8	10	9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	17153071	Trần Đức Tin	DH17CD			1	7	9,5	7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
60	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD			3	7	10	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
61	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD			10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
62	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD			10	6	10	9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
63	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			1	3	5	4,0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL			1	9	4,5	4,3	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
65	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			3	9	6	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
66	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL			3	9	6,5	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT			3	9	8	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			10	9	10	9,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
69	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL			10	6	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			3	7	10	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in: 25/10/2019 14:04

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			6,5	7	8	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
2	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			4	0	4,5	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC			6,5	6	8,5	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
4	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			6,5	9	6,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
6	17118027	Nguyễn Anh	DH17CC			1	7	3	3,0	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17118029	Trần Minh	DH17CC						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK			1	6	6,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
10	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			1	7	10	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
11	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			10	9	8,5	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
12	17118046	Trần Khải	DH17CK						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			10	7	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
14	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			1	7	10	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
15	16137046	Lê Quang	DH16NL			6,5	7	8	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
16	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			3	6	10	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
17	17118057	Nguyễn Văn	DH17CC						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			6,5	7	10	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 02

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT	Nhật		3	7	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
20	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC	Nhật		10	9	10	9,9	0012345678910	0123456789
21	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	Phong		3	7	10	8,3	0012345678910	0123456789
22	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC	Phúc		6,5	8	10	9,1	0012345678910	0123456789
23	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC							0012345678910	0123456789
24	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC	Sang		1	7	3	3,0	0012345678910	0123456789
25	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL	Son		6,5	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
26	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC	Tan		3	6	10	8,2	0012345678910	0123456789
27	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC	Tha		3	6	10	8,2	0012345678910	0123456789
28	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC	Tha		10	5	8	8,1	0012345678910	0123456789
29	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC	Thien		1	6	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT	Thong		3	6	8	6,8	0012345678910	0123456789
31	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC	Thuy		3	6	4,5	4,4	0012345678910	0123456789
32	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC	Tien		6,5	6	3	4,0	0012345678910	0123456789
33	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL	Tien		6,5	8	8	7,7	0012345678910	0123456789
34	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT	Toan		3	7	6	5,5	0012345678910	0123456789
35	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC	Trieu		10	9	10	9,9	0012345678910	0123456789
36	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC	Trong		3	7	10	8,3	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

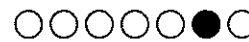
Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 25/10/2019 14:04

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phân nguyên	Tổ điểm lẻ
							20%	10%	thi	T. kết		
1	15118003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH15CK			3	8	5	4,9	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
2	17118005	Phan Văn Hùng	Anh	DH17CK			10	7	8,5	8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	16153001	Phạm Hoàn	Ân	DH16CD			10	8	10	9,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	17118006	Nguyễn Thanh	Bá	DH17CK			10	9	6,5	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
5	17118010	Trương Minh	Bảo	DH17CK			6,5	7	5	5,5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	15118005	Trương Phi	Bảo	DH17CK			6,5	7	8,5	8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	17118007	Bùi Đình	Bằng	DH17CK			10	7	10	9,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	16137006	Nguyễn Ngọc	Chi	DH16NL			1	7	10	7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	15118007	Lâm Quang	Chiến	DH15CC			3	7	4,5	4,5	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	17118015	Đặng Ái	Cường	DH17CK							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	14153009	Lê Mạnh	Cường	DH14CD			3	9	3	3,6	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	16137008	Nguyễn Tuấn	Cường	DH16NL			3	9	2	2,9	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	17118018	Lê Công	Danh	DH17CK			10	7	6,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	16153008	Nguyễn Thanh	Danh	DH16CD			10	8	10	9,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	16153017	Đoàn Văn	Duy	DH16CD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17118024	Lê Văn	DỰ	DH17CK			1	4	3	2,7	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
17	16137014	Đào Đôn	Điền	DH16NL			3	5	6,5	5,7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
18	17118022	Nguyễn Văn	Định	DH17CK			10	9	8	8,5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			10	8	6,5	7,4	001234568910	012356789
20	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			10	7	10	9,7	001234567810	012345689
21	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			3	9	10	8,5	001234567910	012346789
22	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK			3	9	7,5	6,8	001234578910	012345679
23	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			7	9	8	7,9	001234568910	012345678
24	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			10	9	6,5	7,5	001234568910	012346789
25	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL			10	0	8	7,6	001234568910	012345789
26	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD			10	8	10	9,8	001234567810	012345679
27	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK							0012345678910	0123456789
28	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			10	7	10	9,7	001234567810	012345689
29	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			3	7	5	4,8	001235678910	012345679
30	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			6,5	6	4,5	5,1	001234678910	023456789
31	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			10	7	8,5	8,7	001234567910	012345689
32	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			10	7	5,5	6,6	001234578910	012345789
33	17154051	Chiêm Phước Lộc	DH17OT			10	6	10	9,6	001234567810	012345789
34	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			10	5	8	8,1	001234567910	023456789
35	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			10	6	6,5	7,2	001234568910	013456789
36	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			6,5	5	6	6,0	001234578910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK	<i>cu</i>		10	5	10	9,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
38	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK	<i>Phu</i>		10	7	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
39	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK	<i>Nguyen</i>		10	7	8,7	8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
40	17154061	Phan Thị Hoài Nhã	DH17OT	<i>Nha</i>		6,5	9	8	7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
41	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK	<i>Nhut</i>		10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
42	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	<i>Phi</i>		6,5	9	4,5	5,4	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
43	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK	<i>Phong</i>		10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
44	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD	<i>Phong</i>		10	8	10	9,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
45	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL	<i>Quan</i>		1	8	10	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK	<i>Sinh</i>		6,5	7	8,5	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC	<i>Son</i>		3	7	8,5	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
48	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK	<i>Tam</i>		10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
49	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK	<i>Tam</i>		10	9	9,5	9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
50	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT	<i>Tam</i>		3	7	4	4,1	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK	<i>Tan</i>		10	8	10	9,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
52	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD	<i>Thanh</i>		10	9	5,5	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
53	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK	<i>Thanh</i>		10	7	10	9,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
54	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK	<i>Thanh</i>		10	7	6	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●



Mã nhận dạng 00611

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
56	17118104	Hồ Văn Kỳ	DH17CK			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
57	17118107	Bá Duy	DH17CK			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
58	17118108	Nguyễn Chí	DH17CK			10	8	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
59	15118103	Nguyễn Hữu	DH15CC			10	7	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
60	17118112	Lý Thanh	DH17CK			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
61	17118117	Hoàng Ngọc	DH17CK			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●
62	17118118	Kiều Trọng	DH17CK			6,5	9	10	9,2	0012345678●10	01●3456789
63	17153074	Phan Nguyễn Trung	DH17CD			10	9	10	9,9	0012345678●10	012345678●
64	17118119	Trần Trọng	DH17CK			6,5	8	10	9,1	0012345678●10	0●23456789
65	15153070	Lê Bá	DH15CD			6,5	6	4	4,7	00123●5678910	0123456●89
66	17118127	Nguyễn Đan	DH17CC			10	9	8	8,5	001234567●910	01234●6789
67	16137093	Lê Văn	DH16NL			3	8	8	7,0	00123456●8910	●123456789
68	16118170	Võ	DH16CC			10	8	8	8,4	001234567●910	0123●56789
69	17118136	Đặng Thanh	DH17CK			6,5	7	5	5,5	001234●678910	01234●6789
70	16153107	Lâm Văn	DH16CD			10	9	8,5	8,9	001234567●910	012345678●
71	17154122	Đặng Bá	DH17OT			10	6	9	9,6	0012345678●10	012345●789
72	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD			10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: ỨD tin học trong thiết kế máy (207125) - 03

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			10	7	8	8,3	001234567●910	012●456789

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: ỨD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							20 %	10 %				
1	17118001	Đoàn Nhật	An	DH17CC			1	6	6	5,0	001234●678910	●123456789
2	17154002	Lê Bảo	Anh	DH17OT			1	6	4,5	4,0	00123●5678910	●123456789
3	17154003	Lê Đức	Anh	DH17OT			10	6	8,5	8,6	001234567●910	012345●789
4	16153002	Vũ Phan	Anh	DH16CD			3	8	5,5	5,3	001234●678910	012●456789
5	17153004	Hồ Thái	Bảo	DH17CD			10	7	8	8,3	001234567●910	012●456789
6	17154005	Nguyễn Hoài	Bảo	DH17OT			10	6	8	8,2	001234567●910	01●3456789
7	17118011	Nguyễn Hữu Huy	Bình	DH17CC			10	6	7	7,5	00123456●8910	01234●6789
8	17154007	Nguyễn Tấn	Chí	DH17OT			10	6	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
9	17154018	Trần Thế	Dư	DH17OT			3	6	6	5,4	001234●678910	0123●56789
10	17118025	Nguyễn Mậu	Dương	DH17CC			1	8	6	5,2	001234●678910	01●3456789
11	16137011	Nguyễn Chí	Đại	DH16NL			3	8	4,5	4,6	00123●5678910	012345●789
12	17154012	Nguyễn Quân	Đạt	DH17OT			1	7	2	2,3	001●345678910	012●456789
13	17154014	Trần Văn	Đạt	DH17OT			10	9	2	4,3	00123●5678910	012●456789
14	17154016	Nguyễn Khoa	Điền	DH17OT			3	7	3	3,4	0012●45678910	0123●56789
15	17154017	Nguyễn Thành	Đô	DH17OT			6,5	7	3	4,1	00123●5678910	0●23456789
16	16154021	Phạm Hồng	Đức	DH16OT						/	●012345678910	0123456789
17	17154025	Hồ Việt	Hải	DH17OT			1	7	5	4,4	00123●5678910	0123●56789
18	17153025	Trần Sơn	Hải	DH17CD			10	7	6,5	7,3	00123456●8910	012●456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT	Huân		10	7	10	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
21	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC	Huân		1	7	10	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
22	17154030	Lê Quang Hoan	DH17OT	Hoan		3	7	10	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
23	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT	Huân		10	9	10	9,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
24	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT	Huân		3	0	4	3,4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
25	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			6,5	7	6,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
26	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT	Khánh		10	7	10	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
27	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD	Khoa		10	7	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
28	17154044	Trần Anh Khoa	DH17OT			10	7	6,5	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
29	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD	Lương		10	7	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
30	17154049	Phan Thanh Liêm	DH17OT						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	17154050	Nguyễn Thanh Linh	DH17OT						/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT			1	6	10	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
33	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT			10	6	9,5	9,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
34	17154057	Trần Văn Hoài Nam	DH17OT			10	7	7,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK	Nguyên		10	6	10	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
36	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT	Sĩ		10	7	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	17154060	Nguyễn Thị Thanh Nhã	DH17OT	<i>Tha</i>		10	6	9,5	9,3	○○○12345678●10	○12●456789
38	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT	<i>Nhan</i>		10	8	5,5	6,7	○○○12345●78910	○123456●89
39	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC	<i>Nhan</i>		10	9	8	8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
40	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT	<i>Tho</i>		6,5	7	5,5	5,9	○○○1234●678910	○12345678●
41	17154065	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT							●○○12345678910	○123456789
42	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT	<i>Pha</i>		10	6	8	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
43	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC	<i>Pha</i>		7	6	8,5	8,0	○○○1234567●910	●123456789
44	17154070	Nguyễn Thanh Phong	DH17OT	<i>Phan</i>		10	8	10	9,8	○○○12345678●10	○1234567●9
45	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC	<i>Pho</i>		10	7	10	9,7	○○○12345678●10	○123456●89
46	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC	<i>Phuc</i>		10	8	8	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
47	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT	<i>Pho</i>		3,5	6	10	8,3	○○○1234567●910	○12●456789
48	17154075	Cao Việt Quang	DH17OT	<i>Qua</i>		10	7	10	9,7	○○○12345678●10	○123456●89
49	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT	<i>Qua</i>		10	9	10	9,9	○○○12345678●10	○12345678●
50	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC	<i>Son</i>		3	8	8	7,0	○○○123456●8910	●123456789
51	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT	<i>Son</i>		1	8	8	6,6	○○○12345●78910	○12345●789
52	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT	<i>Son</i>		3	6	10	8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
53	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT	<i>Son</i>		10	6	10	9,6	○○○12345678●10	○12345●789
54	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT	<i>Son</i>		10	6	8,5	8,6	○○○1234567●910	○12345●789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT	<i>Phan</i>		1	6	8,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
56	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD	<i>Tam</i>		10	6	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
57	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT	<i>Minh</i>		10	8	6,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
58	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT	<i>Thach</i>		6,5	9	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
59	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT	<i>Huu</i>		3	6	8,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
60	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT	<i>Phuoc</i>		10	6	10	9,6	0012345678●10	012345●789
61	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL	<i>Ngô</i>		1	9	8	6,7	0012345●78910	0123456●89
62	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT	<i>Thong</i>		10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
63	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT	<i>Phuoc</i>		1	7	10	7,9	00123456●8910	012345678●
64	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT	<i>Quang</i>		6,5	5	10	8,8	001234567●910	01234567●9
65	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT	<i>Tin</i>		10	8	10	9,8	0012345678●10	01234567●9
66	17154108	Trần Văn Trà	DH17OT	<i>Tra</i>		1	8	10	8,0	001234567●910	●123456789
67	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT	<i>Thao</i>		10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89
68	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD	<i>Trong</i>		10	8	8	8,4	001234567●910	0123●56789
69	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL	<i>Phuoc</i>		6,5	7	8,5	8,0	001234567●910	●123456789
70	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD	<i>Bao</i>		6,5	7	8	7,6	00123456●8910	012345●789
71	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT	<i>Thuong</i>		1	6	10	7,8	00123456●8910	01234567●9
72	17154119	Nguyễn Minh Viễn	DH17OT	<i>Minh</i>		10	7	10	9,7	0012345678●10	0123456●89

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UĐ tin học trong thiết kế máy (207125) - 04

CBGD: Nguyễn Hải Đăng (855)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
73	17154123	Lý Hoàng Vũ	DH17OT			65	5	8,5	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
74	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			65	9	3	4,3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Kg Hải Đăng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: UD tin học trong thiết kế máy (207125) - 05

CBGD: Trương Quang Trường (706)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC			10	7	5	6,2	0012345●78910	01●3456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC			10	5	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC			10	7	7	7,6	00123456●8910	012345●789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC			10	5	10	9,5	0012345678●10	01234●6789
5	17118162	Lê Trung Hiếu	DH17CKC			6,5	4	6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
6	17118164	Lê Gia Hoàng	DH17CKC							●012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			10	5	8,7	8,6	001234567●910	012345●789
8	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			10	4	3	4,5	00123●5678910	01234●6789
9	17118167	Huỳnh Văn Khang	DH17CKC							●012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			10	5	5	6,0	0012345●78910	●123456789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC			10	5	4,5	5,7	001234●678910	0123456●89
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiên	DH17CKC			10	5	7	7,4	00123456●78910	0123●56789
13	17118152	Lâm Gia Tuấn	DH17CKC			3	5	7	6,0	0012345●78910	●123456789
14	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC			10	5	10	9,5	0012345678●10	01234●6789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hải Đăng

Ngày in : 25/10/2019 14:04

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207134)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ	
1	18118197	Vũ Đức	Dũng	DH18CKC					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	18118192	Lê Tiến	Đạt	DH18CKC			8,0	5,0	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
3	18118193	Nguyễn Lê Minh	Đạt	DH18CKC					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	18118191	Trần Hải	Đặng	DH18CKC					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	18118194	Đào Phúc	Đức	DH18CKC					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	18118195	Trần Nguyễn Trí	Đức	DH18CKC			8,0	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	18118200	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DH18CKC			8,5	9,5	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
8	18118202	Trần Văn	Hoài	DH18CKC			8,0	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
9	18118204	Phạm Đăng	Huy	DH18CKC			8,5	8,0	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
10	18118205	Trần Duy	Khang	DH18CKC			7,0	6,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	18118207	Trịnh Ngọc	Lâm	DH18CKC			9,0	5,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
12	18118208	Nguyễn Bá	Long	DH18CKC			8,0	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	18118209	PhạmBùi Hải	Long	DH18CKC			8,0	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
14	18118210	PhạmTrung	Long	DH18CKC			9,0	7,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
15	18118212	Nguyễn Xuân	Nguyễn	DH18CKC			8,0	7,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
16	18118108	Nguyễn Huy	Phúc	DH18CKC			8,0	5,5	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02106

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207134)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30 %	Điểm Thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118214	Nguyễn Hoài	Sang				8,0	7,0	7,3	00123456●8910	012●456789
18	18118215	Hoàng Thái	Sơn				8,0	7,0	7,3	00123456●8910	012●456789
19	18118217	Nguyễn Trung	Tín				8,0	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
20	18118218	Phạm Văn	Tinh				9,0	3,5	5,2	001234●678910	01●3456789
21	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh	Trâm				8,0	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789

Số sinh viên dự thi **4** Số sinh viên vắng **4**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hiền

Lê Khắc Búi

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207135)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CKC_01**

Tổ Thi **001_DH17CKC_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **02/01/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	<i>BTH</i>				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	<i>Dr</i>				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	<i>B</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	<i>Hiếu</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	<i>Tru</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia	Hoàng							0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	<i>Minh</i>				4	4	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	<i>H</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang							0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	<i>Xuân</i>				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	<i>Mai</i>				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	<i>Minh</i>				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
13	17118152	Lâm Gia	Tuấn	<i>Tuấn</i>				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
14	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	<i>Vĩ</i>				5	5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02107

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207135) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH17CKC_01 Tổ Thi 001_DH17CKC_01 Tên CBGD Trương Công Tiến
Ngày Thi 02/01/2020 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42. Số sinh viên vắng 02

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

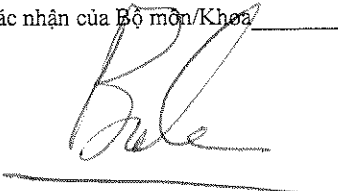
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

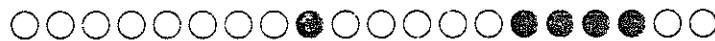
Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Công Tiến


Nguyễn Văn Học


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02108

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi

001_DH17CKC_01

Tên CBGD

Trương Công Tiên

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	<i>Biên</i>				6	6	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	<i>B</i>				7.6	7.6	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	<i>B</i>				5.8	5.8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	<i>Hiếu</i>				6	6	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	<i>Tr</i>				5.6	5.6	0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia	Hoàng	DH17CKC						0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	<i>Minh</i>				7	7	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	<i>W</i>				5.8	5.8	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang	DH17CKC						0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	<i>W</i>				5	5	0012345678910	0123456789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	<i>Ph</i>				6.8	6.8	0012345678910	0123456789
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	<i>AM</i>				5.6	5.6	0012345678910	0123456789
13	17118152	Lâm Gia	Tuấn	<i>tw</i>				4.2	4.2	0012345678910	0123456789
14	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	<i>W</i>				7	7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02108

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH17CKC_01 Tổ Thi 001_DH17CKC_01 Tên CBGD Trương Công Tiến
Ngày Thi 04/01/2020 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 02

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

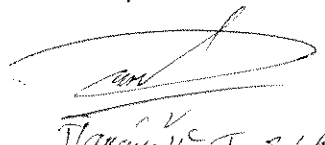
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Công Tiến


Nguyễn Văn Tuấn Anh


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Trương Công Tiến

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường	An	DH18OT		9,0	7,0	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến	Anh	DH18OT		9,0	6,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy	Anh	DH18OT		8,0	3,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn	Anh	DH18OT		6,0	2,0	1,0	2,2	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền	Anh	DH18OT		8,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng	Anh	DH18OT		7,0	2,0	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long	Ấn	DH18OT		8,0	4,5	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải	Ấu	DH18OT		8,0	8,5	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị	Bé	DH18OT		9,0	4,0	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh	Chí	DH18OT		8,0	5,0	0,0	2,6	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí	Cường	DH18OT		8,0	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công	Danh	DH18OT		8,0	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công	Danh	DH18OT		8,0	8,0	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc	Dũng	DH18OT		8,0	1,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến	Dũng	DH18OT		9,0	1,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
16	18118029	Trần Vĩnh	Dụng	DH18CC		7,0	6,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02134

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118033	Lê Phúc	Duy	DH18CC		6,0	3,0	0,5	2,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18154031	Nguyễn Minh	Dương	DH18OT		8,0	2,0	2,0	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18154016	Dương Đình	Đại	DH18OT		8,0	6,0	2,0	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18154017	Nguyễn Tấn	Đại	DH18OT		9,0	5,0	4,0	5,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT		9,0	2,5	2,5	3,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18154021	Lâm Gia	Đạt	DH18OT		8,0	5,0	2,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18154022	Lưu Quốc	Đạt	DH18OT		8,0	6,0	4,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18154024	Nguyễn Phi	Đình	DH18OT		9,0	5,0	8,5	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18154025	Nguyễn Trung	Đình	DH18OT		8,0	6,0	8,0	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18118024	Lê Xuân	Đức	DH18CC		9,0	5,0	7,5	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	18154032	Nguyễn Ngọc	Giang	DH18OT		9,0	4,0	8,0	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18154033	Lương Văn	Giàu	DH18OT		8,0	5,0	8,0	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18154035	Dương Trọng	Hiếu	DH18OT		8,0	3,0	7,0	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	DH18OT		8,0	5,0	2,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT		6,0	2,0	0,0	2,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18154039	Vũ Xuân	Hòa	DH18OT		8,0	6,0	5,0	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02134

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154037	Nguyễn Văn	Hóa	DH18OT		9,0	2,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
34	18154040	Nguyễn Việt	Hoàng	DH18OT	Hoàng	8,0	4,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng0....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Anh Bền

Nguyễn Việt Hoàng

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 002_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm 60 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154046	Nguyễn Hoàng	Huy	DH18OT		8,0	2,0	3,5	4,1	0012345678910	023456789
2	18154047	Nguyễn Hữu Minh	Huy	DH18OT		8,0	2,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
3	18154050	Võ Nguyễn Gia	Huy	DH18OT		8,0	1,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
4	18154041	Nguyễn Minh	Hưng	DH18OT		8,0	2,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
5	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hường	DH18OT		8,0	5,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
6	18154051	Đình Nhĩ	Khang	DH18OT		9,0	5,0	5,5	6,1	0012345678910	023456789
7	18154052	Trần Chí	Khang	DH18OT		8,0	1,0	3,5	3,9	0012345678910	0123456789
8	18154053	Trần Công	Khánh	DH18OT		9,0	3,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
9	18154054	Thạch Đăng	Khoa	DH18OT		8,0	1,0	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	18154056	Cao Trung	Kiên	DH18OT		8,0	3,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
11	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt	DH18OT		8,0	6,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
12	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	DH18OT		9,0	4,5	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm	DH18OT		8,0	6,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
14	18154061	Chu Phú	Lân	DH18OT		8,0	5,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
15	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	DH18OT		8,0	6,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
16	18154066	Lưu Kim	Long	DH18OT		8,0	1,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 002_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154068	Phạm Kim	Long	DH18OT		9,0	4,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
18	18118077	Thét Chủ	Long	DH18CC		8,0	4,0	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
19	18154064	Nguyễn Văn	Lợi	DH18OT		8,0	5,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
20	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT		9,0	0,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
21	18154071	Nguyễn Thế	Nam	DH18OT		8,0	2,0	4,5	4,7	0012345678910	0123456789
22	18154072	Phan Thành	Nam	DH18OT		8,0	4,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
23	18154073	Tạ Hoàng	Nam	DH18OT		9,0	4,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
24	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	DH18OT		8,0	4,5	2,0	3,8	0012345678910	0123456789
25	18118088	Lê Đại	Nghĩa	DH18CC		7,0	0,0	0,0	1,4	0012345678910	0123456789
26	18154076	Văn Hữu	Nghĩa	DH18OT		8,0	5,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
27	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT		8,0	4,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
28	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT		9,0	4,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
29	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT		8,0	5,0	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
30	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT		8,0	3,0	7,5	6,7	0012345678910	0123456789
31	18154085	Lê Quốc	Nhân	DH18OT		7,0	5,0	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
32	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT		8,0	6,0	1,5	3,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 002_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

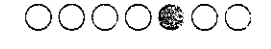
Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT		8,0	6,0	10	8,8	001234567●910	01234567●9
34	18154089	Đoàn Minh	Nhớ	DH18OT		8,0	4,0	5,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
35	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhật	DH18OT		8,0	2,0	2,0	3,2	0012●45678910	01●3456789
36	18154092	Chau Sô	Phát	DH18OT		8,0	7,0	2,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
37	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	DH18OT		8,0	5,0	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
38	18154095	Nguyễn Văn	Phong	DH18OT		7,0	7,0	7,5	7,3	00123456●8910	012●456789
39	18154096	Quách THạnh	Phú	DH18OT		8,0	5,0	9,0	8,0	001234567●910	●123456789
40	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	DH18OT		8,0	4,0	6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
41	18154099	Trần Hoàng	Phúc	DH18OT		9,0	9,0	8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
42	18154100	Mai Trần	Phương	DH18OT		9,0	5,0	3,0	4,6	00123●5678910	012345●789
43	18154101	Nguyễn Duy	Phương	DH18OT		6,0	3,0	6,0	6,6	0●12345678910	012345●789
44	18118112	Lê Văn	Quang	DH18CK						●012345678910	0123456789
45	18154102	Lý Trung	Quân	DH18OT		8,0	2,0	4,0	2,6	001●345678910	012345●789
46	18154104	Lê Duy	Quốc	DH18OT		9,0	6,0	8,5	8,1	001234567●910	0●23456789
47	18154105	Đình Hoàng	Son	DH18OT		8,0	3,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9
48	18154107	Nguyễn Hữu	Sum	DH18OT		8,0	4,5	0,0	2,5	001●345678910	01234●6789



Mã nhận dạng 02135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 002_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	Tào	DH18OT		9,0	3,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
50	18154108	Trương Thành	Tần	DH18OT		8,0	6,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
51	18154110	Huỳnh Phước	Thái	DH18OT		9,0	4,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
52	18154111	Phạm Ngọc	Thái	DH18OT		9,0	3,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
53	18154112	Trần Lê Phương	Thái	DH18OT		8,0	5,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
54	18454010	Đỗ Nhật	Thành	LT18OT		8,0	3,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
55	18154116	Đặng Kim	Thảo	DH18OT		9,0	5,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
56	18154113	Lê Đức	Thắng	DH18OT		8,0	5,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
57	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT		8,0	4,0			0012345678910	0123456789
58	18154115	Trần Hữu	Thắng	DH18OT		8,0	4,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
59	18154117	Trương Quang	Thị	DH18OT		7,0	0,0	2,0	2,6	0012345678910	0123456789
60	18154119	Đoàn Văn	Thìn	DH18OT		8,0	2,0	3,0	3,8	0012345678910	0123456789
61	17154095	Huỳnh Minh	Thịnh	DH18OT		8,0	6,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
62	18154120	Trần Quốc	Thịnh	DH18OT		8,0	4,0	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
63	18154122	Hồ Văn	Thuận	DH18OT		8,0	6,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
64	18154123	Trương Văn	Thục	DH18OT			2,0			0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH18OT_01 Tổ Thi 002_DH18OT_01 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 28/12/2019 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi TV201A

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm lưu	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154124	Nguyễn Hữu	Tín	DH18OT		7,0	4,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789
66	18154125	Nguyễn Văn	Toàn	DH18OT		7,0	0,0	3,0	3,2	0012345678910	0123456789
67	18154126	Võ Minh	Trí	DH18OT		9,0	3,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
68	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		8,0	3,0	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
69	18454011	Lê Sỹ Đình	Trung	LT18OT		8,0	3,0	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
70	18154129	Trần Mạnh	Trường	DH18OT		8,0	4,5	0,0	2,5	0012345678910	0123456789
71	18154131	Nguyễn Tài	Tuệ	DH18OT		8,0	0,0	4,5	4,3	0012345678910	0123456789
72	18154132	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18OT		8,0	0,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
73	17118142	Võ Tấn	Vũ	DH17CK		6,0	3,0	2,5	3,9	0012345678910	0123456789
74	18154135	Võ Văn	Vũ	DH18OT		8,0	1,0	7,0	6,0	0012345678910	0123456789
75	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD			6,0	1,5	2,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 72 Số sinh viên vắng 3...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

Nguyễn Nam Cường Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1	D2	Điểm	Điểm	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
						70 %	70 %	60 %	T. kết		
1	15118003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH15CK		5,0	3,0	4,5	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17137003	Trịnh Tuấn	Anh	DH17NL		7,0	3,0	6,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	16118010	Đình Quốc	Ấn	DH16CK		8,0	5,0	4,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	16138003	Nguyễn Tiểu	Bang	DH16TD						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	16118016	Tăng Duy	Bảo	DH16CK		9,0	4,0	4,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17118007	Bùi Đình	Bằng	DH17CK		8,0	4,0	2,0	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17137004	Đặng Tiểu	Bình	DH17NL		8,0	4,0	4,0	4,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15118006	Nguyễn Châu	Bình	DH15CK		9,0	3,0	4,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17137006	Lưu Nhật	Chi	DH17NL		8,0	2,0	2,5	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17153011	Nguyễn Minh	Chiến	DH17CD		8,0	6,0	0,0	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17118024	Lê Văn	DỰ	DH17CK		6,0	2,0	0,5	1,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15118023	Nguyễn Minh	Dương	DH15CC		8,0	4,0	3,5	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16137019	Nguyễn Vũ Hoài	Dương	DH16NL		8,0	3,0	3,5	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
14	16137011	Nguyễn Chi	Đại	DH16NL		9,0	5,0	6,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118017	Nguyễn Hải	Đặng	DH17CK		8,0	4,0	0,0	2,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17154015	Hồ Thanh	Diễn	DH17OT		8,0	4,0	2,0	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 001_TINCHI_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154016	Nguyễn Khoa	Điện	DH17OT		8,0	6,0	0,0	2,8	0010345678910	0123456709
18	17153016	Nguyễn Trung	Đức	DH17CD		0,0	0,0	1,5	0,9	0012345678910	0123456780
19	17154021	Trần Minh	Đức	DH17OT						0012345678910	0123456789
20	17154024	Phạm Văn	Giàu	DH17OT		8,0	6,5	0,0	2,9	0010345678910	0123456780
21	15154019	Vô Duy	Hà	DH15OT		7,0	5,0	2,0	3,6	0012045678910	0123450789
22	16153021	Nguyễn Nhật	Hải	DH16CD		9,0	7,0	2,0	4,4	0012305678910	0123056789
23	18454004	Trần Ngọc	Hải	LT18OT		9,0	8,0	1,0	4,0	0012305678910	0123456789
24	16138029	Lê Nhựt	Hào	DH16TD		8,0	4,0	1,5	3,3	0012045678910	0120456789
25	14137002	Lê Nguyễn Việt	Hào	DH14NL		9,0	4,0	2,5	4,1	0012305678910	0023456789
26	17137019	Tô Công	Hậu	DH17NL		8,0	4,0	4,0	4,8	0012305678910	0123456709
27	18454007	Huỳnh Ngọc	Hiếu	LT18OT		8,0	7,0	3,5	5,1	0012340678910	0023456789
28	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17CD		7,0	6,0	3,5	4,7	0012305678910	012345089
29	17154029	Phan Thanh	Hiếu	DH17OT		8,0	2,5	5,0	5,1	0012340678910	0023456789
30	17137026	Phan Phước	Hoàng	DH17NL		8,0	2,0	0,5	2,3	0010345678910	0120456789
31	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL		9,0	3,0	4,5	5,1	0012340678910	0023456789
32	16118065	Phạm Tuấn	Huy	DH16CK		8,0	3,0	1,5	3,1	0012045678910	0023456789

Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 001_TINCHI_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

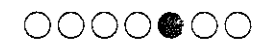
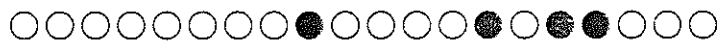
Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16154050	Trần Quang	Huy	DH16OT	Huy	7,0	5,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
34	16137034	Nguyễn Nho	Hung	DH16NL	Hung	8,0	2,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
35	17137034	Đỗ Thích	Khang	DH17NL	Đỗ	8,0	1,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
36	17154039	Phạm Hoàng	Khang	DH17OT						0012345678910	0123456789
37	17154040	Phạm Văn	Khang	DH17OT	Phạm	8,0	4,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
38	17154041	Nguyễn Duy	Khánh	DH17OT	Khánh	7,0	2,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
39	17154045	Trần Đăng	Khoa	DH17OT	Trần	7,0	2,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
40	14138016	Phạm Đăng	Khôi	DH14TD						0012345678910	0123456789
41	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT						0012345678910	0123456789
42	17154047	Phạm Tấn	Kiệt	DH17OT						0012345678910	0123456789
43	17137044	Cao	Long	DH17NL	Cao	7,0	1,0	0,5	1,9	0012345678910	0123456789
44	17137041	Hồ Thanh	Lộc	DH17NL	Hồ	7,0	1,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
45	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL		8,0	2,0			0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi TINCHI_02 Tô Thi 001_TINCHI_02 Tên CBGD Nguyễn Huy Bích
Ngày Thi 28/12/2019 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

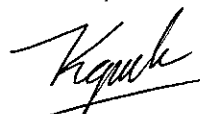
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

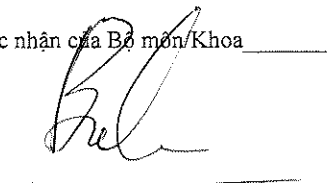
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

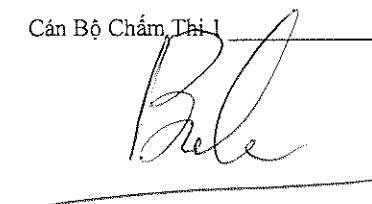
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Khắc Quý


N. V. Kiệp


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_02

Tô Thi 002_TINCHI_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154056	Nguyễn Văn	Mạnh	DH17OT	<i>Meak</i>	9,0	3,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
2	15118061	Đoàn Minh	Mẫn	DH15CC	<i>Minh</i>	8,0	2,0	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
3	17118067	Lý Thái	Nguyên	DH17CC	<i>Phu</i>	8,0	4,0	5,0	7,2	0012345678910	0123456789
4	17153051	Võ Thành	Nhân	DH17CD	<i>Th</i>	7,0	3,0	3,5	4,1	0012345678910	0123456789
5	17118072	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CK						0012345678910	0123456789
6	17118073	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CC	<i>Minh</i>	8,0	0,0	8,0	6,4	0012345678910	0123456789
7	17137056	Đàm Minh	Quang	DH17NL	<i>Quang</i>	9,0	0,0	2,5	3,3	0012345678910	0123456789
8	17137055	Nguyễn Nhật	Quân	DH17NL	<i>Quang</i>	8,0	1,0	1,0	7,5	0012345678910	0123456789
9	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL	<i>Quang</i>	9,0	2,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
10	17137059	Phan Thị Thảo	Quyên	DH17NL	<i>Phu</i>	9,0	8,0	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
11	16138071	Trần Phước	Sang	DH16TD	<i>Phu</i>	8,0	3,0	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
12	17118094	Bùi Phụ	Tâm	DH17CK	<i>Phu</i>	8,0	2,0	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
13	14137070	Trần Văn	Thành	DH14NL	<i>Phu</i>	8,0	4,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
14	16138075	Nguyễn Sơn	Thắng	DH16TD	<i>Phu</i>	9,0	3,0	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
15	17154091	Phạm Bá	Thắng	DH17OT	<i>Phu</i>	6,0	2,0	0,0	1,6	0012345678910	0123456789
16	17137064	Đỗ Duy	Thiện	DH17NL	<i>Phu</i>	9,0	9,0	8,5	8,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 002_TINCHI_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 70%	Đ2 70%	Điểm lấy	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18454015	Huỳnh Ngọc	Thịnh	LT18OT		9,0	4,0	4,0	3,2	00012345678910	0123456789
18	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	DH15OT						00012345678910	0123456789
19	17118112	Lý Thanh	Thuận	DH17CK		9,0	2,0	4,5	4,9	00012345678910	0123456789
20	17137067	Nguyễn Công	Thức	DH17NL		8,0	4,0	6,5	6,3	00012345678910	0123456789
21	17118114	Bùi Minh	Thượng	DH17CC		8,0	4,0	4,5	5,1	00012345678910	0123456789
22	17154102	Lê Cao Quốc	Tiến	DH17OT		9,0	4,0	7,0	6,8	00012345678910	0123456789
23	17118118	Kiều Trọng	Tín	DH17CK		8,0	3,0	3,0	4,0	00012345678910	0123456789
24	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC		8,0	3,0	0,0	2,2	00012345678910	0123456789
25	17137073	Nguyễn Hải	Triều	DH17NL		9,0	0,0	9,0	7,2	00012345678910	0123456789
26	17137074	Lê Phước	Trọng	DH17NL		8,0	5,0	5,5	5,9	00012345678910	0123456789
27	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		7,0	3,0	3,0	3,8	00012345678910	0123456789
28	15154063	Hồ Nhật	Trường	DH15OT		8,0	3,0	0,0	2,2	00012345678910	0123456789
29	14118294	Nguyễn Phi	Trường	DH14CK		0,0	4,0	1,0	1,4	00012345678910	0123456789
30	18454012	Nguyễn Phan	Tuấn	LT18OT		9,0	4,0	1,0	3,2	00012345678910	0123456789
31	15154067	Nguyễn Văn	Tuấn	DH15OT		0,0	2,0	0,0	0,4	00012345678910	0123456789
32	17154118	Lê Văn	Tùng	DH17OT		9,0	4,0	8,5	7,7	00012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ lưu chất(207202)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi TINCHI_02

Tổ Thi 002_TINCHI_02

Tên CBGD Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 70%	Đ2 20%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	13153269	Võ Thành	Văn	DH13CD						0012345678910	0123456789
34	17154122	Đặng Bá	Vũ	DH17OT	Vũ	9,0	3,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
35	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ	DH17NL	Vũ	7,0	1,0	2,5	3,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32 Số sinh viên vắng ...3.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 02/12/2019



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Hải Đăng**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			8,8	2,5	5	5,3	001234678910	012456789
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			7,5	6	5,4	5,9	001234678910	0123456789
3	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			9,5	5	5,9	6,4	0012345678910	0123456789
4	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC			8	3	2,5	3,7	001245678910	012345689
5	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			5,8	0	2	2,4	001345678910	0123456789
6	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL			6,3	2	2,5	3,2	001245678910	013456789
7	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			7,3	4	4	4,7	0012345678910	012345689
8	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			8,3	7	5	6,1	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			7,8	4,5	6	6,1	0012345678910	0123456789
10	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			7,8	6,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
11	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			8,5	5,5	6,5	6,7	0012345678910	012345689
12	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			7,3	5,5	5	5,6	001234678910	0123456789
13	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL			8	3	4	4,6	0012345678910	0123456789
14	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL			6,8	3	4	4,4	0012345678910	0123456789
15	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			7,3	4	3	4,1	0012345678910	0123456789
16	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			7,3	4	4,5	5,0	001234678910	0123456789



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi

001_DH16CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Hải Đăng

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC	Huy		8,5	5	9,4	8,3	001234567●910	012●456789
18	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC	Phat		8	5	4,5	5,3	001234●678910	012●456789
19	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK	Huy		7,5	4	4,5	5,0	001234●678910	●123456789
20	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC	Huy		7,3	5	6,9	6,6	0012345●78910	012345●789
21	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD	Khail		7,3	3,5	3	4,0	00123●5678910	●123456789
22	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD	Khail		7,5	3	2,5	3,6	0012●45678910	012345●789
23	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD	Khank		7,3	6,5	5	5,8	001234●678910	01234567●9
24	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK	Kien		7,3	5	6	6,1	0012345●78910	0●23456789
25	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL						✓	●012345678910	0123456789
26	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK	Lo		7,5	5,5	7,4	7,0	00123456●8910	●123456789
27	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	Linh		8	5,5	5	5,7	001234●678910	0123456●89
28	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC	Minh		8,3	4,5	4	5,0	001234●678910	●123456789
29	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK	Nguyen		7,3	6	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
30	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD	Nam		7,3	5,5	3,5	4,7	00123●5678910	0123456●89
31	15118071	Nguyễn Tấn Nghĩa	DH15CK	Nghia		7,5	3	4,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
32	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC	Nhan		8,5	6	9,4	8,5	001234567●910	01234●6789

Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Hải Đăng**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118071	Phạm Long	Nhật	<i>Phạm Long</i>		7,3	6	7	6,9	0012345678910	0123456789
34	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	<i>Huỳnh Kim</i>		7,3	6	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
35	17138039	Lê Quang	PHiếu	<i>Lê Quang</i>		6,3	4,5	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
36	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	<i>Ngô Hoàng</i>		8	5,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
37	17118084	Đỗ Hữu	Phước	<i>Đỗ Hữu</i>		8,5	4,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
38	15138051	Trần Minh	Quang	<i>Trần Minh</i>		0	5	6,5	4,9	0012345678910	0123456789
39	15137043	Nguyễn Văn	Sang	<i>Nguyễn Văn</i>		7,3	4,5	4	4,8	0012345678910	0123456789
40	16137066	Đồng Ngọc	Sơn	<i>Đồng Ngọc</i>		8,3	5	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
41	17118095	Nguyễn Minh	Tâm	<i>Nguyễn Minh</i>		7,3	6,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
42	17118097	Lê Quốc	Tân	<i>Lê Quốc</i>		9	6,5	6	6,7	0012345678910	0123456789
43	15138058	Lê Quốc	Thái	<i>Lê Quốc</i>					✓	0012345678910	0123456789
44	15138059	Phạm Hồng	Thái	<i>Phạm Hồng</i>		8,5	0	3,5	3,8	0012345678910	0123456789
45	15118095	Dương Tấn	Thành	<i>Dương Tấn</i>		8,5	7,5	5	6,2	0012345678910	0123456789
46	17138049	Võ Văn	Thành	<i>Võ Văn</i>		7,3	4,5	3	4,2	0012345678910	0123456789
47	17138050	Lê Đức	Thịnh	<i>Lê Đức</i>		7,3	2	3	3,7	0012345678910	0123456789
48	15138065	Nguyễn Tấn	Thịnh	<i>Nguyễn Tấn</i>		7,5	7,5	6	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Hải Đăng

Ngày Thi 04/01/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			6	6,5	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
50	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD			8,3	7,5	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
51	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			8,3	6,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
52	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			6,8	6	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
53	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			7,3	5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
54	17138056	Nguyễn Nhựt Tiên	DH17TD			6,8	7	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
55	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL			7,3	3	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
56	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK							0012345678910	0123456789
57	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			7,3	6	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
58	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD			7,3	7,5	3	4,8	0012345678910	0123456789
59	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			8,3	6	6	6,5	0012345678910	0123456789
60	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			7,3	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
61	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL			8	3	5	5,2	0012345678910	0123456789
62	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			7,3	4	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
63	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			7,3	4	4	4,7	0012345678910	0123456789
64	17118135	Đặng Năng San U	DH17CC			7,5	6	4	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)** Số Tín Ch **2**
 Nhóm Thi **DH16CK_01** Tổ Thi **001_DH16CK_01** Tên CBGD **Nguyễn Hải Đăng**
 Ngày Thi **04/01/2020** Giờ Thi **14:45** Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC		1	8,3	6	7,5	7,4	00123456●8910	0123●56789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Hải Đăng

Phạm Minh Kiên

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Hải Đăng



Mã nhận dạng 02158

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Sử dụng máy(207310)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi **001_DH16CK_01**

Tên CBGD **Võ Văn Thừa**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	16118014	Lê Văn Bào	DH16CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	16118016	Tăng Duy Bảo	DH16CK					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
5	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
6	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
8	16118029	Văn Phú Đạt	DH16CK					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
9	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	15118031	Nguyễn Bình Phương Hậu	DH15CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
12	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK					7,3	7,3	0012345678910	0123456789
14	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK					7,3	7,3	0012345678910	0123456789
15	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
16	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK					5,3	5,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02158

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Võ Văn Thừa

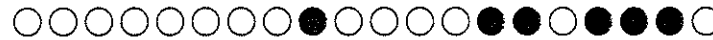
Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118085	Trần Vũ Linh	DH16CK					9,3	9,3	0012345678910	0123456789
18	16118095	Nguyễn Thành Luyến	DH16CK					9,3	9,3	0012345678910	0123456789
19	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
20	15118070	Lý Nghé	DH15CK					7,3	7,3	0012345678910	0123456789
21	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
22	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
23	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK							0012345678910	0123456789
24	15118083	Vũ Hải Quân	DH15CK					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
25	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
26	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK							0012345678910	0123456789
27	16118136	Trần Văn Sự	DH16CK					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
28	14118062	Đỗ Văn Tàu	DH15CK					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
29	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK					6,3	6,3	0012345678910	0123456789
30	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
31	16118144	Nguyễn Minh Thắng	DH16CK					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
32	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK					9,0	9,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02158

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Sử dụng máy(207310)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Võ Văn Thưa

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15118106	Trần Trung	Tín					6,3	6,3	0012345678910	0123456789
34	15118109	Lưu Ngọc Anh	Toàn					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
35	15118114	Lê Đức	Trí					6,8	6,8	0012345678910	0123456789
36	15118117	Lý Ngọc	Trọng					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
37	15118120	Trần Nguyễn Quốc	Trung					6,3	6,3	0012345678910	0123456789
38	16118165	Đinh Văn	Tú					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
39	15118131	Dương Quốc	Việt					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
40	16118179	Nguyễn Minh	Vương					8,8	8,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 38 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Duy Lam

Phan Văn Đức

Ngày in : 03/12/2019



Mã nhận dạng 00644

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118004	Nguyễn Xuân Anh	DH19CK				6	8.5	7.8	0012345678910	0123456789
2	19118006	Nguyễn Thành Bång	DH19CK				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK				6	8	7.4	0012345678910	0123456789
4	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK				9	7	7.6	0012345678910	0123456789
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK				6	8	7.4	0012345678910	0123456789
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK				9	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
7	19118021	Hồ Thanh Chơn	DH19CK				8.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK				8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
9	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK				8.5	8	8.2	0012345678910	0123456789
10	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
11	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
12	19118050	Nguyễn Ngọc Duy	DH19CK				6	8	7.4	0012345678910	0123456789
13	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK				8.5	8	8.2	0012345678910	0123456789
14	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK				8.5	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
16	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK				8.5	8	8.2	0012345678910	0123456789
17	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK				8.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
18	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK							0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	19118067	Phạm Trung	Hiếu	DH19CK				8.5	8	8.2	001234567●910
20	19118070	Nguyễn Văn	Hoan	DH19CK				8	7	7.3	00123456●8910
21	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
22	19118073	Lưu Minh	Hoàng	DH19CK				6	8.5	7.8	00123456●8910
23	19118076	Nguyễn Việt	Hoàng	DH19CK				9	8.5	8.7	001234567●910
24	19118088	Hà Quang	Huy	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
25	19118093	Nguyễn Minh	Huy	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
26	19118098	Trần Quốc	Huy	DH19CK							●012345678910
27	19118081	Ngô Trung	Hung	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
28	19118083	Nguyễn Duy	Hung	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
29	19118109	Trần Đăng	Khoa	DH19CK				8	7.5	7.7	00123456●8910
30	19118111	Đặng Hoàng	Kiệt	DH19CK				9	8.5	8.7	001234567●910
31	19118112	Ngô Tấn	Kiệt	DH19CK				8.5	7.5	7.8	00123456●8910
32	19118113	Nguyễn Duy	Kiệt	DH19CK				9	8	8.3	001234567●910
33	19118118	Nguyễn Tùng	Lâm	DH19CK				9	8.5	8.7	001234567●910
34	19118121	Nguyễn Cảnh	Liêm	DH19CK				8.5	8	8.2	001●3456789
35	19118123	Nguyễn Như	Linh	DH19CK				8.5	8	8.2	001●3456789
36	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	DH19CK				8.5	8	8.2	001●3456789



Mã nhận dạng 00644

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK					8.5	8.2	001234567●910	01●3456789
38	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK					8.7	7.3	00123456●8910	012●456789
39	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK					8.5	8.2	001234567●910	01●3456789
40	19118141	Trần Công Mạnh	DH19CK							●012345678910	0123456789
41	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK					8.7	7.7	00123456●8910	0123456●89
42	19118143	Lê Công Minh	DH19CK					9.8	8.7	001234567●910	0123456●89
43	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK					8.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
44	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK					9.8	8.3	001234567●910	012●456789
45	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK					8.7	7.7	00123456●8910	0123456●89
46	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK					6.8	7.4	00123456●8910	0123●56789
47	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK					8.5	8.2	001234567●910	01●3456789
48	19118153	Nguyễn Minh Nghĩa	DH19CK							●012345678910	0123456789
49	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK					9.8	8.7	001234567●910	0123456●89
50	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK					8.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
51	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK					8.9	8.9	001234567●910	012345678●9
52	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK					8.5	8.2	001234567●910	01●3456789
53	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK					8.7	7.3	00123456●8910	012●456789
54	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK					9.8	8.3	001234567●910	012●456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK				6	7	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
56	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK				8	7.5	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
57	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK				9	8	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
58	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK				6	7.5	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
59	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK				9	8	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
61	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK				8.5	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
62	19118210	Phạm Chiến Thắng	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK				8	7	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
64	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK				8	7	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
66	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK				9	8.5	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
67	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK				8.5	8	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
68	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK				6	8	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
69	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK				9	8.5	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
70	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK				9	8	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
71	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK				9	8.5	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
72	19118266	Nguyễn Công Tuấn	DH19CK				8.5	8	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành cơ khí nông lâm (207332) - 01

CBGD: Nguyễn Huy Bích (867)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK				8.5	8	8.2	0012345678910	0123456789
74	19118272	Nguyễn Quốc Vĩ	DH19CK				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
75	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK				9	9	9.0	0012345678910	0123456789
76	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK				8.5	8	8.2	0012345678910	0123456789
77	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
78	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC							0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

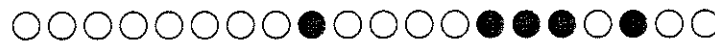
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 02164

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

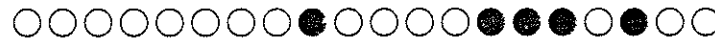
12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL				5,0	3,5	4,0	0012345678910
2	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL				7,0	5,0	5,6	0012345678910
3	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL				5,5	2,5	3,4	0012345678910
4	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL				6,0	5,0	5,3	0012345678910
5	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL				6,5	3,0	4,1	0012345678910
6	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL				8,5	5,5	6,4	0012345678910
7	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL							0012345678910
8	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL				7,0	5,0	5,6	0012345678910
9	16137032	Cao Nguyễn Gia Phương	DH16NL				6,5	6,5	6,5	0012345678910
10	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL				5,5	7,5	6,0	0012345678910
11	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL				8,5	6,5	7,1	0012345678910
12	15137028	Nguyễn Hữu Quang	DH16NL							0012345678910
13	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL				5,5	4,5	4,8	0012345678910
14	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL				7,5	4,0	5,1	0012345678910
15	14137044	Nguyễn Văn Ka	DH14NL				3,0	4,5	4,1	0012345678910
16	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL				7,0	7,0	7,0	0012345678910



Mã nhận dạng 02164

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

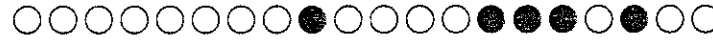
12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL	<i>Kiên</i>			5,5	6,0	5,9	0012345678910
18	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL	<i>Kiet</i>			6,0	5,0	5,3	0012345678910
19	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL	<i>Linh</i>			6,5	7,0	6,9	0012345678910
20	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL	<i>Linh</i>			6,5	5,5	5,8	0012345678910
21	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL	<i>Loi</i>			6,0	6,0	6,0	0012345678910
22	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL	<i>Nhan</i>			8,0	6,5	7,0	0012345678910
23	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL	<i>Phuc</i>			6,5	6,5	6,5	0012345678910
24	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL	<i>Quan</i>			8,5	5,0	6,1	0012345678910
25	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL	<i>Sang</i>			7,5	6,0	6,5	0012345678910
26	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL	<i>Tai</i>			1,5	4,0	3,3	0012345678910
27	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL	<i>Tam</i>			8,0	6,5	7,0	0012345678910
28	14137069	Ngô Văn Thanh	DH14NL	<i>Thanh</i>			6,0	5,0	5,3	0012345678910
29	16137072	Nguyễn Việt Thanh	DH16NL	<i>Thanh</i>			5,5	5,0	5,2	0012345678910
30	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL	<i>Thanh</i>			6,5	5,0	5,5	0012345678910
31	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL	<i>The</i>			7,5	6,5	6,8	0012345678910
32	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL	<i>Thien</i>			7,5	5,5	6,1	0012345678910



Mã nhận dạng 02164

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137081	Võ Ngọc	Thương				6,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
34	16137089	Mai Trung	Trường				7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
35	16137091	Vũ Nhật	Trường				7,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
36	16137092	Phan Văn	Tú							0012345678910	0123456789
37	16137095	Nguyễn Văn	Tuấn				7,5	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
38	16137097	Trần Quốc	Tuấn				7,5	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
39	14137092	Cao Tấn	Tùng				1,0	4,5	3,5	0012345678910	0123456789
40	16137101	Phạm Văn	Vĩ				6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
41	16137103	Cao Nguyễn Xuân	Vinh				7,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
42	16137105	Nguyễn Hữu Anh	Vũ				7,5	4,0	5,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 03/12/2019

Lê Khắc Quý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



Mã nhận dạng 02167

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi

001_DH17CKC_03

Tên CBGD

Nguyễn Huy Bích

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	Bien			8,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	Do			8,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	Tran			8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	Dang			8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	Le			7,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia	Hoàng	Le						0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	Le			8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	Nguyen			7,5	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang	Huy						0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	Dang			8,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	Le			8,0	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	Pham			8,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
13	17118152	Lâm Gia	Tuấn	Lam			7,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
14	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	Nguyen			8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02167

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

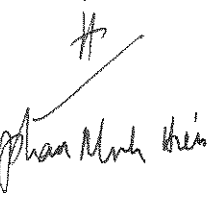
Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH17CKC_01** Tổ Thi **001_DH17CKC_03** Tên CBGD **Nguyễn Huy Bích**
Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

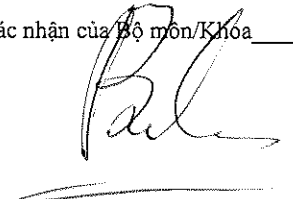
Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 2

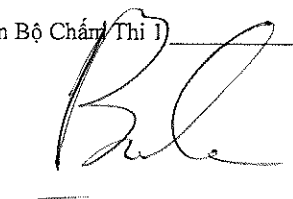
Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Phan Minh Hiền

Cán bộ coi thi 2

Lê Khoa Quý

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích
Cán Bộ Chấm Thi 2 _____



Mã nhận dạng 02175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	DH17CD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan	Anh	DH16CD		6		7.5	6.9	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái	Bào	DH17CD		4		5.25	4.8	0012345678910	0123456789
4	17138001	Huỳnh Hoài	Bào	DH17TD		7.5		6	6.6	0012345678910	0123456789
5	17138002	Trần Thanh	Bình	DH17TD		6		4.5	5.1	0012345678910	0123456789
6	15138007	Trương Thành	Của	DH15TD		4		8	6.4	0012345678910	0123456789
7	17138005	Mai Hùng	Cường	DH17TD		6		4.25	5	0012345678910	0123456789
8	17138006	Nguyễn Mạnh	Cường	DH17TD		7.5		5.5	6.9	0012345678910	0123456789
9	17153017	Nguyễn Hồng	Dung	DH17CD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
10	17138011	Nguyễn Đình Quốc	Dũng	DH17TD		6.5		2.5	4.1	0012345678910	0123456789
11	17153019	Nguyễn Hoàng	Dương	DH17CD		6		6	6	0012345678910	0123456789
12	17138012	Phạm Hải	Dương	DH17TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
13	17138007	Trần Quang	Đại	DH17TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
14	17153016	Nguyễn Trung	Đức	DH17CD		4		7.5	6.1	0012345678910	0123456789
15	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang	DH15CD						0012345678910	0123456789
16	13153092	Lê Quang	Hậu	DH13CD		7		2.5	4.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153027	Lê Trung	Hậu	DH17CD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
18	17138015	Lưu Thanh	Hiền	DH17TD		7		9.25	4.8	0012345678910	0123456789
19	17138016	Hồ	Hiền	DH17TD		6		2.75	4.1	0012345678910	0123456789
20	17153030	Bùi Văn	Hoàng	DH17CD		6		7	6.6	0012345678910	0123456789
21	17138021	Nguyễn Đình	Hồ	DH17TD		7		4.5	5.5	0012345678910	0123456789
22	17138022	Trần Minh	Huân	DH17TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
23	17153032	Lê Nguyễn	Huy	DH17CD		6		8	7.2	0012345678910	0123456789
24	17138023	Bùi Quang	Khải	DH17TD		6		3	4.2	0012345678910	0123456789
25	15138031	Nguyễn Mạnh	Khải	DH15TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
26	17138024	Phạm Ngọc	Khải	DH17TD		7.5		1.25	4.1	0012345678910	0123456789
27	17138025	Nguyễn Văn	Khánh	DH17TD		5		5	5	0012345678910	0123456789
28	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	DH17TD		7		2	4	0012345678910	0123456789
29	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD		6		3	4.2	0012345678910	0123456789
30	17138029	Nguyễn Văn	Linh	DH17TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
31	13153152	Đặng Hoàng	Nam	DH13CD		4		5	4.6	0012345678910	0123456789
32	17138033	Lê Nguyễn Hoài	Nam	DH17TD		6.5		4	5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138034	Tạ Đình	Nam	DH17TD	<i>Mai</i>	7		5.85	6.3	0012345678910	0123456789
34	17154064	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT	<i>Th</i>	4		4.25	4.2	0012345678910	0123456789
35	17138037	Bùi Trung	Pháp	DH17TD	<i>B</i>	6		5	5.4	0012345678910	0123456789
36	17138038	Trần Huy	Phát	DH17TD	<i>Phat</i>	6		6	6	0012345678910	0123456789
37	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD	<i>Phu</i>	5		4.5	4.8	0012345678910	0123456789
38	17138043	Nguyễn Trọng	Quang	DH17TD						0012345678910	0123456789
39	17138044	Nguyễn Linh	Sang	DH17TD	<i>Sang</i>	7		6	6.4	0012345678910	0123456789
40	17138045	Nguyễn Thế	Tài	DH17TD	<i>Ng</i>	6		3	4.2	0012345678910	0123456789
41	17138050	Lê Đức	Thịnh	DH17TD	<i>Lu</i>	7		5	5.8	0012345678910	0123456789
42	15138065	Nguyễn Tấn	Thịnh	DH15TD	<i>Phu</i>	7		2	4	0012345678910	0123456789
43	13153223	Trần Hữu	Thọ	DH13CD						0012345678910	0123456789
44	17138051	Lưu Thị Ánh	Thu	DH17TD	<i>Hu</i>	4		4.5	4.3	0012345678910	0123456789
45	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	Thuận	DH17TD	<i>Thuan</i>	7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
46	17138057	Đào Bá Khánh	Trình	DH17TD	<i>Tr</i>	7		4.5	5.5	0012345678910	0123456789
47	17138058	Nguyễn Đình	Trọng	DH17TD	<i>Tr</i>	7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
48	17138061	Bùi Anh	Tuấn	DH17TD	<i>Tuan</i>	0		0.5	0.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD			7		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
50	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD			7		5	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng [.....]

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Công Tiến

Nguyễn Đình Khôi

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 03/12/2019



Mã nhận dạng 02174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi

001_DH17OT_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18454001	Vi Đức Anh	LT18OT			6.5		2.5	4.1	0012345678910	0123456789
2	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD			8		8	8	0012345678910	0123456789
3	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
4	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD			5		4.25	4.6	0012345678910	0123456789
5	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT			6		3	4.2	0012345678910	0123456789
6	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
7	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD							0012345678910	0123456789
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD			7.5		10	9	0012345678910	0123456789
9	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT							0012345678910	0123456789
10	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			7.5		6	6.6	0012345678910	0123456789
11	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			7.5		1.75	4.1	0012345678910	0123456789
12	18454002	Đặng Văn Đạt	LT18OT			8		8	8	0012345678910	0123456789
13	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD							0012345678910	0123456789
14	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	DH15TD							0012345678910	0123456789
15	17153013	Hà Công Định	DH17CD			7		4	5.2	0012345678910	0123456789
16	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			8		8	8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **001_DH17OT_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153024	Đặng Minh	Hải	DH17CD		7.5		4.5	5.7	0012345678910	0123456789
18	16153021	Nguyễn Nhật	Hải	DH16CD		7.5		7.25	7.4	0012345678910	0123456789
19	18454004	Trần Ngọc	Hải	LT18OT		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
20	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD		5.5		4.25	4	0012345678910	0123456789
21	15138025	Bùi Trọng	Hiếu	DH15TD						0012345678910	0123456789
22	18454007	Huỳnh Ngọc	Hiếu	LT18OT		6.5		2.25	4	0012345678910	0123456789
23	16138035	Lý Minh	Hoàng	DH16TD		6		3	4	0012345678910	0123456789
24	15138029	Đào Hữu	Huỳnh	DH15TD						0012345678910	0123456789
25	17153035	Dương Quốc	Khánh	DH17CD		7.5		4.5	5.7	0012345678910	0123456789
26	17154046	Trần Duy	Khoa	DH17OT		6		7	6.6	0012345678910	0123456789
27	15153030	Hoàng Văn	Kỳ	DH15CD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
28	17153041	Lương Chí	Lập	DH17CD		7.5		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
29	17153042	Nguyễn Quang	Linh	DH17CD		6		5	5.4	0012345678910	0123456789
30	14153032	Nguyễn Thanh	Nam	DH14CD						0012345678910	0123456789
31	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	DH17CD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
32	17153049	Hoàng Đình	Nhân	DH17CD		7.5		4.25	5.6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi **001_DH17OT_02**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

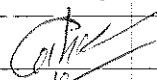
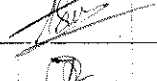
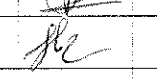
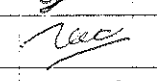
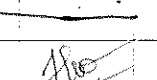
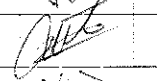
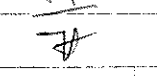
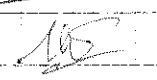
Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18454009	Lê Hữu Nhân	LT18OT			8.5		8.5	8.5	0012345678910	0123456789
34	17153053	Đoàn Trần Minh	DH17CD			8.5		2	4.6	0012345678910	0123456789
35	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			8		4.75	6.1	0012345678910	0123456789
36	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			7.5		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
37	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			7		7	7	0012345678910	0123456789
38	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			9		2	4.8	0012345678910	0123456789
39	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			8.5		8.5	8.5	0012345678910	0123456789
40	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD							0012345678910	0123456789
41	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD			6.5		2.5	4.1	0012345678910	0123456789
42	18454010	Đỗ Nhật Thành	LT18OT			7		2	4	0012345678910	0123456789
43	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD			8		8	8	0012345678910	0123456789
44	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD			7.5		6	6.6	0012345678910	0123456789
45	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			7		6.5	6.7	0012345678910	0123456789
46	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT			7		4	5.2	0012345678910	0123456789
47	18454014	Võ Lê Phú Thiện	LT18OT			0		1.5	0.9	0012345678910	0123456789
48	18454015	Huỳnh Ngọc Thịnh	LT18OT			7		2	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17OT_02**

Tổ Thi

001_DH17OT_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154098	Trần Đình	Thông	DH17OT		8		2	4.4	0012345678910	0123456789
50	17153070	Nguyễn Trọng	Tiến	DH17CD		8		8	8	0012345678910	0123456789
51	17153071	Trần Đức	Tín	DH17CD		6.5		4	5	0012345678910	0123456789
52	17153073	Nguyễn Minh	Toàn	DH17CD		6.5		4	5	0012345678910	0123456789
53	15153068	Nguyễn Huy	Toàn	DH15CD		7.5		5	6	0012345678910	0123456789
54	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD		7.5		8	7.8	0012345678910	0123456789
55	16153096	Huỳnh Văn	Trọng	DH16CD		8		8	8	0012345678910	0123456789
56	18454011	Lê Sỹ Đình	Trung	LT18OT		7.5		2.5	4.5	0012345678910	0123456789
57	17138059	Nguyễn Chi	Trung	DH17TD		7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
58	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		8		8	8	0012345678910	0123456789
59	18454012	Nguyễn Phan	Tuấn	LT18OT		7		2	4	0012345678910	0123456789
60	16153107	Lâm Văn	Vinh	DH16CD		8		8	8	0012345678910	0123456789
61	17154120	Nguyễn Thành	Vinh	DH17OT		7.5		3.5	5.1	0012345678910	0123456789
62	16153109	Lê Văn	Vũ	DH16CD		5		5	5	0012345678910	0123456789
63	17153081	Dương Bảo	Ý	DH17CD		7		6.5	6.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH17OT_02 Tổ Thi 001_DH17OT_02 Tên CBGD Trương Công Tiến
Ngày Thi 23/12/2019 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 55. Số sinh viên vắng 08.

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

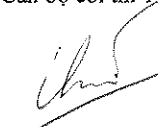
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Hân


Đào Duy Vinh


TS. Trương Công Tiến


TS. Trương Công Tiến

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL		7			8.5	7.9	0012345678910	0123456789
2	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	DH17CD		8			9.25	8.8	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn	DH17NL		6.5			8	7.4	0012345678910	0123456789
4	17153004	Hồ Thái	DH17CD		7			8.25	7.8	0012345678910	0123456789
5	17153005	Lê Hoàng	DH17CD		7			6.25	6.9	0012345678910	0123456789
6	17153003	Bùi Đình	DH17CD		7.5			9.5	8.7	0012345678910	0123456789
7	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD		7			1	3.4	0012345678910	0123456789
8	17153011	Nguyễn Minh	DH17CD		6			0.5	2.7	0012345678910	0123456789
9	17118018	Lê Công	DH17CK		5			4.5	4.7	0012345678910	0123456789
10	17153017	Nguyễn Hồng	DH17CD		6.5			8.75	7.9	0012345678910	0123456789
11	17153022	Đào Phụng	DH17CD		6			6.25	6.2	0012345678910	0123456789
12	17153012	Dương Tấn	DH17CD		6.5			9.75	8.5	0012345678910	0123456789
13	18454002	Đặng Văn	LT18OT							0012345678910	0123456789
14	17153013	Hà Công	DH17CD		4			6	5.2	0012345678910	0123456789
15	17153014	Bùi Phú	DH17CD		5.5			8.5	7.3	0012345678910	0123456789
16	17153016	Nguyễn Trung	DH17CD		5			5.5	5.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 _%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153025	Trần Sơn	Hải	DH17CD		8		8.75	8.5	0012345678910	0123456789
18	17153200	Phạm Văn	Hạnh	DH17CD		5		7.5	6.5	0012345678910	0123456789
19	17118032	Trần Hoàng	Hân	DH17CK		8		9.5	8.9	0012345678910	0123456789
20	17153026	Nguyễn Trường	Hân	DH17CD		6		9.25	8	0012345678910	0123456789
21	17153027	Lê Trung	Hậu	DH17CD		5.5		4	4.6	0012345678910	0123456789
22	17153028	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17CD		9		4	6.0	0012345678910	0123456789
23	17138019	Trần Minh	Hiếu	DH17TD		6		1	3.2	0012345678910	0123456789
24	17153030	Bùi Văn	Hoàng	DH17CD		6.5		9.5	8.3	0012345678910	0123456789
25	17153032	Lê Nguyễn	Huy	DH17CD		6		7.5	6.9	0012345678910	0123456789
26	17153033	Trần Quang	Huy	DH17CD		6.5		9.25	8.2	0012345678910	0123456789
27	17137030	Phạm Phi	Hung	DH17NL		6		8.75	7.7	0012345678910	0123456789
28	17138023	Bùi Quang	Khải	DH17TD		6		0.5	2.7	0012345678910	0123456789
29	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD		8.5		9.5	9.1	0012345678910	0123456789
30	17137035	Đặng Quốc	Khánh	DH17NL		8.5		7.5	7.9	0012345678910	0123456789
31	17153037	Ngô Tín	Khoa	DH17CD		7		9.25	8.4	0012345678910	0123456789
32	17153038	Nguyễn Tiến	Khoa	DH17CD		6		8.25	7.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153039	Bùi Tuấn	Kiên	DH17CD	<i>Ưn</i>	8.5		9.5	9.1	0012345678910	0123456789
34	17153040	Đặng Ngọc	Lâm	DH17CD	<i>Lana</i>	8.5		9	8.8	0012345678910	0123456789
35	17153041	Lương Chí	Lập	DH17CD	<i>Lap</i>	7.5		8.5	8.1	0012345678910	0123456789
36	17153042	Nguyễn Quang	Linh	DH17CD	<i>fil</i>	7.5		5.5	6.3	0012345678910	0123456789
37	17137046	Nguyễn Na	Na	DH17NL	<i>na</i>	6.0		1.0	3.0	0012345678910	0123456789
38	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD	<i>nauc</i>	4.0		0.5	2.1	0012345678910	0123456789
39	17153046	Ngô Thiên	Nghĩa	DH17CD	<i>h</i>	6		0.5	2.8	0012345678910	0123456789
40	17138035	Dương Hoàng	Nguyễn	DH17TD	<i>N</i>	9		9.25	9.2	0012345678910	0123456789
41	17153048	Lê Khánh	Nguyễn	DH17CD	<i>R</i>	5		7.5	6.5	0012345678910	0123456789
42	17153054	Dương Trung	Ninh	DH17CD	<i>me</i>	6.5		2.5	4.1	0012345678910	0123456789
43	17118077	Bùi Thanh	Phong	DH17CC	<i>ph</i>	4		7	5.8	0012345678910	0123456789
44	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL	<i>ph</i>	6.5		7	6.8	0012345678910	0123456789
45	17153055	Trương Hoàng	Phong	DH17CD	<i>ph</i>	6		8.25	7.4	0012345678910	0123456789
46	17118079	Đặng Nguyên Hoài	Phú	DH17CC	<i>ph</i>	8		9	8.6	0012345678910	0123456789
47	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	DH17CC	<i>ph</i>	6.5		9.25	8.2	0012345678910	0123456789
48	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD	<i>ph</i>	4		3	3.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 AC%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD	<i>[Signature]</i>		5		3,5	4,1	0012345678910	0023456789
50	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL	<i>[Signature]</i>		8		8,5	8,3	0012345678910	0123456789
51	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK	<i>[Signature]</i>		7		10	8,8	0012345678910	0123456789
52	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK	<i>[Signature]</i>		6		3,25	4,7	0012345678910	0123456789
53	17153062	Phan Minh Tâm	DH17CD							0012345678910	0123456789
54	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD	<i>[Signature]</i>		8,5		8,5	8,5	0012345678910	0123456789
55	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD	<i>[Signature]</i>		6,5		8,5	7,7	0012345678910	0123456789
56	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT	<i>[Signature]</i>		4		5,5	4,9	0012345678910	0123456789
57	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK	<i>[Signature]</i>		5		9,25	7,6	0012345678910	0123456789
58	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK	<i>[Signature]</i>		6		8,25	7,4	0012345678910	0123456789
59	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD	<i>[Signature]</i>		6		9,5	8,1	0012345678910	0023456789
60	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD	<i>[Signature]</i>		7		9	8,2	0012345678910	0123456789
61	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD	<i>[Signature]</i>		6,5		7,5	7,1	0012345678910	0023456789
62	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD	<i>[Signature]</i>		9		9,25	9,2	0012345678910	0123456789
63	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK							0012345678910	0123456789
64	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD	<i>[Signature]</i>		6,5		3	4,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CD_01

Tổ Thi 001_DH17CD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17153074	Phan Nguyễn Trung	Toàn	Tôn		6.5		8.85	7.9	0012345678910	0123456789
66	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	Tôn		9		9.25	9.2	0012345678910	0123456789
67	17153075	Lê Quốc	Trạng	Tray		8.5		9.85	9.9	0012345678910	0123456789
68	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	Phạm		6.5		6.25	6.4	0012345678910	0123456789
69	17153077	Phan Bảo	Trọng	Phan		5.5		9	7.6	0012345678910	0123456789
70	17153078	Lê Văn	Tuấn	Tray		6		9.85	8.9	0012345678910	0123456789
71	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân	Vân		7.5		7.25	7.4	0012345678910	0123456789
72	17118136	Đặng Thanh	Việt	Việt		6		8.5	4.5	0012345678910	0123456789
73	17153079	Võ Quốc	Việt	Việt		9		9.25	9.2	0012345678910	0123456789
74	17118142	Võ Tấn	Vũ	Vũ		8		8	8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 71. Số sinh viên vắng 3.

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 03/12/2019

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_03**

Tổ Thi **001_DH17TD_03**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138001	Huỳnh Hoài Bào	DH17TD			8		8.75	8.5	0012345678910	0123456789
2	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			6		7	6.6	0012345678910	0123456789
3	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			8.5		8.5	8.5	0012345678910	0123456789
4	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			4		7.75	6.3	0012345678910	0123456789
5	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			6.5		9	8	0012345678910	0123456789
6	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			4		8.5	6.8	0012345678910	0123456789
7	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			5		4.25	4.6	0012345678910	0123456789
8	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			7		9.25	8.4	0012345678910	0123456789
9	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			8.5		9.25	9	0012345678910	0123456789
10	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			6.5		8.5	7.7	0012345678910	0123456789
11	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			7.5		9	8.4	0012345678910	0123456789
12	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			6.5		4.25	5.2	0012345678910	0123456789
13	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			5.5		6.75	6.3	0012345678910	0123456789
14	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			8		6	6.8	0012345678910	0123456789
15	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			6.5		5.5	5.9	0012345678910	0123456789
16	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			8.5		7.25	7.8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17TD_03

Tổ Thi 001_DH17TD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138025	Nguyễn Văn	Khánh	<i>Khánh</i>		9		9	9	0012345678910	0123456789
18	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	<i>Tấn</i>		4		0	1.6	0012345678910	0123456789
19	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	<i>Minh</i>		7.5		9.25	8.6	0012345678910	0123456789
20	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	Long	<i>Long</i>		7		7.25	7.2	0012345678910	0123456789
21	17138034	Tạ Đình	Nam	<i>Nam</i>		7		7.5	7.3	0012345678910	0123456789
22	17153047	Nguyễn Trung	Nghĩa	<i>Trung</i>		6.5		8.75	7.9	0012345678910	0123456789
23	16153060	Lê Nguyễn	Ngọc	<i>Ngọc</i>		6.5		9.5	8.3	0012345678910	0123456789
24	17153049	Hoàng Đình	Nhân	<i>Nhân</i>		5.5		8.5	7.3	0012345678910	0123456789
25	17153051	Võ Thành	Nhân	<i>Thành</i>		5		5.5	5.3	0012345678910	0123456789
26	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	<i>Ninh</i>		5		5.5	5.3	0012345678910	0123456789
27	17138037	Bùi Trung	Pháp	<i>Pháp</i>		7.5		8.5	8.1	0012345678910	0123456789
28	17138038	Trần Huy	Phát	<i>Phát</i>		5.5		5.25	5.4	0012345678910	0123456789
29	17138039	Lê Quang	PHiếu	<i>Quang</i>		7.5		6.25	6.8	0012345678910	0123456789
30	17138043	Nguyễn Trọng	Quang	<i>Trọng</i>						0012345678910	0123456789
31	17138042	Nguyễn Trung	Quân	<i>Quân</i>		8.5		4.25	6	0012345678910	0123456789
32	17138044	Nguyễn Linh	Sang	<i>Sang</i>		5.5		8.5	7.3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_03**

Tổ Thi **001_DH17TD_03**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **24/12/2019**

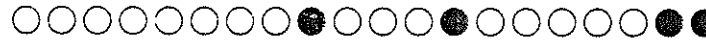
Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			8		9,5	8,9	0012345678910	0123456789
34	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			6,5		7,5	7,1	0012345678910	0123456789
35	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK			7		8,5	7,9	0012345678910	0123456789
36	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			7,5		5,75	5,3	0012345678910	0123456789
37	17138049	Vô Văn Thành	DH17TD			7		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
38	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			8		5,5	6,5	0012345678910	0123456789
39	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			7		9,5	8,5	0012345678910	0123456789
40	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			9		8,25	8,6	0012345678910	0123456789
41	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			8,5		9,25	9	0012345678910	0123456789
42	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD			9		9,25	9,2	0012345678910	0123456789
43	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			6		9,25	8	0012345678910	0123456789
44	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			8,5		9	8,8	0012345678910	0123456789
45	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD			6		8	7,2	0012345678910	0123456789
46	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			6		8,25	7,4	0012345678910	0123456789
47	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			7,5		5,5	6,3	0012345678910	0123456789
48	17138063	Tạ Minh Tuyên	DH17TD			5,5		6,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_03**

Tổ Thi **001_DH17TD_03**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD			7.5		6.75	7.1	0012345678910	0123456789
50	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD			8		8.75	8.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 49 Số sinh viên vắng A....

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi

001_DH16CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	Anh	7.5			6.75	7.1	0012345678910	0123456789
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD	An	8			7.5	7.7	0012345678910	0123456789
3	16153004	Dur Tiến Công	DH16CD	Tiến	6.5			7	6.8	0012345678910	0123456789
4	16153005	Vô Thái Công	DH16CD	Công	6			5.5	5.7	0012345678910	0123456789
5	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD	Danh	9			7.5	8.1	0012345678910	0123456789
6	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD	Duy	8			7	7.4	0012345678910	0123456789
7	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	Duy	5			6.5	5.9	0012345678910	0123456789
8	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD	Đạt	8			6	6.8	0012345678910	0123456789
9	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD	Định	8.5			5.5	6.7	0012345678910	0123456789
10	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD	Hải	8			6.5	7.1	0012345678910	0123456789
11	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD	Hiệp	8			8.5	8.3	0012345678910	0123456789
12	16153026	Cao Đình Hiếu	DH16CD	Hiếu	9			6.5	7.5	0012345678910	0123456789
13	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD	Hiếu	0			5	3	0012345678910	0123456789
14	16153039	Đặng Huynh	DH16CD	Huynh	9			7.5	8.1	0012345678910	0123456789
15	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD	Khải	7.5			6.5	6.9	0012345678910	0123456789
16	16138048	K'Pa Krim	DH16TD							0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16153048	Huỳnh Phúc	Lĩnh	DH16CD		5		7.5	6.5	0012345678910	0123456789
18	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	DH16CD		9		7.5	8.1	0012345678910	0123456789
19	16153056	Đặng Toàn	Mỹ	DH16CD		5.5		7.5	6.7	0012345678910	0123456789
20	16138058	Phạm Đặng Hoài	Nam	DH16TD		9		9.5	9.9	0012345678910	0123456789
21	16138060	Phạm Hoài	Nghi	DH16TD		8.5		7.25	7.8	0012345678910	0123456789
22	16153060	Lê Nguyễn	Ngọc	DH16CD		9		7.5	8.1	0012345678910	0123456789
23	16138062	Nguyễn Đình Trục	Nhân	DH16TD		8.5		8	5.2	0012345678910	0123456789
24	16153063	Nguyễn Hoài	Phong	DH16CD		9		7.5	8.1	0012345678910	0123456789
25	16138069	Nguyễn Minh	Quang	DH16TD		7.5		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
26	16153067	Hoàng Lê Minh	Quân	DH16CD		9		9	9	0012345678910	0123456789
27	16153068	Lê Quốc	Qui	DH16CD		9		10	9.6	0012345678910	0123456789
28	15138054	Trang Minh	Sáng	DH15TD		5.5		3	4	0012345678910	0123456789
29	16153072	Đỗ Tam	Tài	DH16CD		6		3	4.2	0012345678910	0123456789
30	16138073	Nguyễn Ngọc	Tâm	DH16TD		9		8.75	8.9	0012345678910	0123456789
31	16153076	Nguyễn Quốc	Tâm	DH16CD		5.5		6	5.8	0012345678910	0123456789
32	16153082	Tô	Thanh	DH16CD		7		6	6.4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH16CD_01

Tổ Thi 001_DH16CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD			7.5		5	6	0012345678910	0123456789
34	16153083	Võ Trí	DH16CD			7.5		7.75	7.8	0012345678910	0123456789
35	16138077	Đỗ Hữu	DH16TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
36	16153085	Huỳnh Công	DH16CD			6		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
37	16153081	Lê Văn	DH16CD			6.5		7.5	7.1	0012345678910	0123456789
38	16138079	Lê	DH16TD			7.5		7.5	7.5	0012345678910	0123456789
39	16138081	Đặng Anh	Thông	DH16TD						0012345678910	0123456789
40	16153091	Phạm Thị Cát	Tiên	DH16CD		9		9.5	9.9	0012345678910	0123456789
41	16153093	Nguyễn Lê	Tĩnh	DH16CD		9		7.5	8.1	0012345678910	0123456789
42	16153094	Nguyễn Vũ	Tĩnh	DH16CD		6.5		5.5	5.9	0012345678910	0123456789
43	15153068	Nguyễn Huy	Toàn	DH15CD						0012345678910	0123456789
44	16153096	Huỳnh Văn	Trọng	DH16CD		7.5		8.5	8.1	0012345678910	0123456789
45	16153100	Lê Anh	Tuấn	DH16CD		7.5		9.25	8.6	0012345678910	0123456789
46	16153104	Trần Xuân	Viễn	DH16CD		6		3.5	4.5	0012345678910	0123456789
47	16153107	Lâm Văn	Vinh	DH16CD		7.5		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
48	16153108	Huỳnh Tấn	Vũ	DH16CD		5		7.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02182

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)** Số Tin Ch **3**
 Nhóm Thi **DH16CD_01** Tổ Thi **001_DH16CD_01** Tên CBGD **Trương Công Tiến**
 Ngày Thi **28/12/2019** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153110	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	DH16CD			6.5		7	6.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 46 Số sinh viên vắng 03

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Công Tiến

Nguyễn Văn Tuấn

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					6	6	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					0.5	0.5	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					2	2	0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					8.5	8.5	0012345678910	0123456789
9	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
10	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
11	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
12	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
13	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					0	0	0012345678910	0123456789
14	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
15	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
16	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD	<i>Hoài</i>				5	5	0012345678910	0123456789
18	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD	<i>Hoàng</i>				6	6	0012345678910	0123456789
19	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD	<i>Lehuân</i>				4,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD	<i>Thuy</i>				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
21	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD	<i>Phan Tran Hoang</i>				2,5	2,5	0012345678910	0123456789
22	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD	<i>Tran</i>				8	8	0012345678910	0123456789
23	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD	<i>Hung</i>				7,5	7,5	0012345678910	0123456789
24	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD	<i>Hung</i>				9	9	0012345678910	0123456789
25	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD	<i>Khang</i>				7,5	7,5	0012345678910	0123456789
26	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD	<i>Nguyen Cong Khanh</i>				4	4	0012345678910	0123456789
27	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD	<i>Duy Khanh</i>				4	4	0012345678910	0123456789
28	18138044	Đình Trọng Khôi	DH18TD	<i>Khoi</i>				4	4	0012345678910	0123456789
29	18138046	Phạm Văn Tiêu Kỳ	DH18TD	<i>Ky</i>				1,5	1,5	0012345678910	0123456789
30	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD	<i>Lam</i>				4,5	4,5	0012345678910	0123456789
31	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD	<i>Lam</i>				4	4	0012345678910	0123456789
32	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD	<i>Linh</i>				4,5	4,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138051	Đặng Hoàng	Long	DH18TD				6,5	6,5	0012345678910	0123456789
34	18138052	Hồ Thanh	Long	DH18TD				5,5	5,5	0012345678910	0123456789
35	18138050	Hứa Phước	Lợi	DH18TD				7,5	7,5	0012345678910	0123456789
36	18138054	Sơ Tấn	Lũy	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789
37	18138056	Trần Trung	MỸ	DH18TD				3	3	0012345678910	0123456789
38	18138057	Trịnh Hữu	Nghĩa	DH18TD				2	2	0012345678910	0123456789
39	18138060	Lương Thanh	Nhân	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789
40	18138061	Kiều Tấn	Nhất	DH18TD				4,5	4,5	0012345678910	0123456789
41	18138062	Trần	Phát	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789
42	18138063	Đỗ Thanh	Phong	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789
43	18138065	Nguyễn Hồng	Phúc	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789
44	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Phúc	DH18TD				4,5	4,5	0012345678910	0123456789
45	18138068	Nguyễn Quang	Phúc	DH18TD						0012345678910	0123456789
46	18138069	Trương Thanh	Phương	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789
47	18138071	Nguyễn Minh	Quang	DH18TD				1	1	0012345678910	0123456789
48	18138072	Lê Tấn	Quý	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD	<i>Sâm</i>				8	8	0012345678910	0123456789
50	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD	<i>Son</i>				4	4	0012345678910	0123456789
51	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD	<i>Tai</i>				4	4	0012345678910	0123456789
52	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD	<i>Tai</i>				4,5	4,5	0012345678910	0123456789
53	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD	<i>Tam</i>				8	8	0012345678910	0123456789
54	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD	<i>Tan</i>				8,5	8,5	0012345678910	0123456789
55	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD	<i>Thien</i>				6	6	0012345678910	0123456789
56	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD	<i>Thinh</i>				3	3	0012345678910	0123456789
57	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD	<i>Tho</i>				1,5	1,5	0012345678910	0123456789
58	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				5,5	5,5	0012345678910	0123456789
59	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				5	5	0012345678910	0123456789
60	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				3	3	0012345678910	0123456789
61	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD	<i>Thuan</i>				1	1	0012345678910	0123456789
62	18138090	Nguyễn Cao Thy	DH18TD							0012345678910	0123456789
63	18138092	Ngô Công Trí	DH18TD							0012345678910	0123456789
64	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD	<i>Trung</i>				2	2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02185

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi An toàn điện(207545)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138096	Hồ Duy Thiện	Trung	DH18TD				4	4	0012345678910	0123456789
66	18138097	Phan Bá	Trường	DH18TD				4	4	0012345678910	0123456789
67	18138098	Lý Hồng	Tuấn	DH18TD				5	5	0012345678910	0123456789
68	18138099	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 65. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 20 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Công Tiến


TS. Trương Công Tiến


TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 03/12/2019